TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1964**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1533/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn H; địa chỉ: Đường H, Phường A, quận T, Thành phố H.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn T; địa chỉ: đường L, Phường A, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/9/2019, bản tự khai và các biên bản của Tòa án, nguyên đơn trình bày: Ông và bà Nguyễn T tự nguyện kết hôn, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Y theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2012 ngày 26/12/2012. Trong thời gian chung sống, ông bà thường xuyên mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm sống, dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ tháng 11/2013 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn P sinh ngày 18/10/2013. Ông đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 04/10/2019, bị đơn trình bày: Bà và ông H ly thân đã 06 năm, đôi bên không còn tình cảm với nhau. Bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và việc cấp dưỡng nuôi con. Bà yêu cầu được vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện VKSND quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Các đương sự đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Các bên đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ nên căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số số 47, quyển số 01/2012 ngày 26/12/2012 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Y cấp cho ông Nguyễn H và bà Nguyễn T thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, đôi bên đã ly thân 06 năm. Bị đơn cũng xác định không còn tình cảm với nguyên đơn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được nên căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là trẻ Nguyễn P sinh ngày 18/10/2013, hiện đang do bị đơn nuôi dưỡng. Nguyên đơn yêu cầu giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng con và bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ông Nguyễn H:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn H được ly hôn với bà Nguyễn T.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ Nguyễn P sinh ngày 18/10/2013. Ông H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng ông Nguyễn H phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021495 ngày 16/08/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh